

Bản án số: 34/2025/HN-PT  
Ngày: 15/4/2025  
V/v “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản  
khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Phương

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

2/ Ông Phan Trịnh Minh Đức

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2025/TLPT-HNGĐ ngày 07/02/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1346/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 925/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3522/2025/QĐ-PT ngày 19/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Thanh H1, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số A đường T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về phần tài sản: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số N đường B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H2.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn ông Phạm Thanh H1 trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ H2 tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau, rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 225, quyền số 02 ngày 29/11/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay. Hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn và quay về sống chung để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt, nên ông yêu cầu ly hôn với bà H2 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Phú Gia H3, sinh ngày 28/9/2013. Hiện nay trẻ H3 đang sống với bà H2 nên ông H1 đề nghị giao con chung cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà Hung đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng thì ông đồng ý.

Về tài sản chung: Yêu cầu xác định nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 940770, số vào sổ cấp GCN: CS07587 ngày 20/02/2017 là tài sản riêng của ông Phạm Thanh H1. Ông H1 trình bày sau khi hoàn công công trình do trước đó ông đã nhiều lần thế chấp vay tiền ngân hàng nên giấy chủ quyền không thể cập nhật được nữa nên ông phải xin cấp giấy chủ quyền mới, theo quy định thì phải ghi tên vợ vào giấy chủ quyền, do đây là thủ tục hành chính và thời điểm đó vợ chồng đang hạnh phúc nên ông cũng không có ý kiến gì, ông khẳng định ông không đồng ý sáp nhập tài sản riêng của ông vào tài sản chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H1 xin rút yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H2 trả lại số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông H1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Do công trình xây dựng hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên ông đồng ý chia đôi giá trị công trình xây dựng, ông nhận nhà và hoàn lại cho bà H2 50% giá trị căn nhà. Ngoài ra, ông đồng ý hỗ trợ cho bà H2 để sắp xếp chỗ ở mới là 100.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H2 trình bày:*

Bà đồng ý ly hôn với ông Phạm Thanh H1. Theo đơn khởi kiện ông H1 đồng ý giao con cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng bà không đồng ý với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng. Bà yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Căn nhà tại địa chỉ số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh hiện bà và ông H1 đang đứng tên chung trên sổ hồng

nên bà mong muốn được chia đôi tài sản vì bà và con đang ở nhờ nhà ngoại. Tại Đơn trình bày ngày 31/7/2024, bà xác định đây chỉ là ý kiến trình bày của bà về tài sản tranh chấp, bà không yêu cầu Tòa án chia tài sản nên không nộp đơn phản tố và không nộp tiền tạm ứng án phí. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về phần tài sản bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:*

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 940770, số vào sổ cấp GCN: CS07587 ngày 20/02/2017 có ghi nhận ông Phạm Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Mỹ H2 đồng sở hữu tài sản nhà và đất tại địa chỉ số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bị đơn cho rằng nguyên đơn không có căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận là tài sản riêng. Tài sản này được xác lập và hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho các bên.

**Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1346/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh H1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 225, Quyền số 02 do Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/11/2013 cho ông Phạm Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Mỹ H2 không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Phạm Phú Gia H3, sinh ngày 28/9/2013 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Thanh H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 9/2024 cho đến khi trẻ H3 đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung:

Công nhận phần đất tọa lạc tại địa chỉ số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 940770, số vào sổ cấp GCN: CS07587 ngày 20/02/2017 là tài sản riêng của ông Phạm Thanh H1.

Công nhận công trình xây dựng tại địa chỉ số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Phạm Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Mỹ H2. Giao căn nhà trên cho ông Phạm Thanh H1, ông Phạm Thanh H1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H2 ½ giá trị xây dựng, tương đương số tiền 127.239.780 đồng.

Ông Phạm Thanh H1 được quản lý, sử dụng và được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển đổi tên chủ sở hữu đối với tài sản nêu trên theo nội dung quyết định trên và phải thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí... theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Thanh H1 về việc hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ H2 số tiền 100.000.000 đồng.

4. Về nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ của cha mẹ với con chung sau khi ly hôn, quyền kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/10/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H2 có đơn kháng cáo một phần án sơ thẩm về phần tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

*Nguyên đơn ông Phạm Thanh H1 và bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H2 đồng thời là người kháng cáo cùng thống nhất và thỏa thuận như sau:*

- Công nhận căn nhà (công trình xây dựng trên đất) tại địa chỉ số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông H1 bà H2 và trị giá 250.000.000đồng. Toàn bộ số tiền 250.000.000đồng này giao bà H2 được nhận và sở hữu.

- Xác định quyền sử dụng đất tại địa chỉ số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông H1. Ông H1 đồng ý hỗ trợ công sức đóng góp của bà H2 đối với quyền sử dụng đất tại số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 200.000.000đồng.

- Ông H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Phạm Phú Gia H3 đến năm 18 tuổi là 350.000.000đồng, thực hiện cấp dưỡng nuôi con làm một lần.

Tổng cộng các khoản trên là 800.000.000đồng.

- Ông H1 có trách nhiệm trả cho bà H2 số tiền 800.000.000đồng, chia làm 2 lần: thanh toán 400.000.000đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền 400.000.000đồng còn lại thanh toán trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

- Sau khi ông H1 thanh toán xong số tiền nói trên cho bà H2, ông H1 được toàn quyền sử dụng, sở hữu nhà đất số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển đổi tên chủ sở hữu đối với tài sản nói trên và phải chấp hành qui định pháp luật về đất đai, thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí... theo qui định pháp luật. Án phí phải chịu theo qui định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Về hình thức kháng cáo của bà H2 còn trong hạn luật định nên hợp lệ; về nội dung kháng cáo: xét thấy tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà H2, sửa án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Án phí đương sự phải chịu theo qui định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ H2 làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H2 và ông Phạm Thanh H1 chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Gò Vấp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 225, Quyền số 02 cấp ngày 29/11/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông H1 có đơn kiện xin ly hôn với bà H2 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, yêu cầu được ly hôn với bà H2, đồng ý giao con chung cho bà H2 nuôi, ông cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật và được tòa sơ thẩm chấp nhận, phần này đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên không xét.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà H2:

Xét thấy, ngày 21/10/2024 bà H2 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về tài sản, yêu cầu Tòa án xác định đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng và chia cho bà H2  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như đã trình bày trên, sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên phù hợp quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận; Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H2, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản chung được chia; Ông H1 thuộc trường hợp được miễn án phí, theo qui định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa một phần án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 38, Điều 148, Điều 300, Điều 306, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 33, 43, 56, 57, 59, 62, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn

cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

\* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H2 về mặt hình thức.

\* Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh H1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1346/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh H1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 225, Quyền số 02 do Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/11/2013 cho ông Phạm Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Mỹ H2 không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Phú Gia H3, sinh ngày 28/9/2013 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung:

- Ông Phạm Thanh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Phạm Phú Gia H3 đến năm 18 tuổi số tiền 350.000.000đồng, thực hiện cấp dưỡng nuôi con làm một lần.

- Công nhận căn nhà (công trình xây dựng trên đất) tại địa chỉ số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Phạm

Thanh H1, bà Nguyễn Thị Mỹ H2 và trị giá 250.000.000đồng. Toàn bộ số tiền 250.000.000đồng này giao bà H2 được nhận và sở hữu.

- Xác định quyền sử dụng đất tại địa chỉ số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông Phạm Thanh H1. Ông Phạm Thanh H1 đồng ý hỗ trợ công sức đóng góp của bà Nguyễn Thị Mỹ H2 đối với quyền sử dụng đất tại số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 200.000.000đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 800.000.000đồng.

- Ông Phạm Thanh H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H2 số tiền 800.000.000đồng, chia làm 2 lần: thanh toán 400.000.000đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền 400.000.000đồng còn lại thanh toán trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

- Sau khi ông Phạm Thanh H1 thanh toán xong số tiền nói trên cho bà Nguyễn Thị Mỹ H2, ông Phạm Thanh H1 được toàn quyền sử dụng, sở hữu nhà đất tại địa chỉ số T đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông H1 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển đổi tên chủ sở hữu đối với tài sản nói trên và phải chấp hành qui định pháp luật về đất đai, thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí... theo qui định pháp luật.

#### 4. Về thi hành án:

Thi hành tại chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### 5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Thanh H1 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Bà Nguyễn Thị Mỹ H2 phải chịu án phí trên phần tài sản được chia là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ H2 không phải chịu, hoàn lại cho bà H2 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014856 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- Cục THADS TP.HCM ;
- TAND quận Gò Vấp, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp, TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu: HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Phương**





